

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1038/2022/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm D, sinh năm 1979 – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vũ T, sinh năm 1977 – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 17, ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 1998. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu

ông T thường đập phá đồ đạc trong nhà, chửi mắng bà và các con gây mất trật tự địa phương. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nên nay bà làm đơn ly hôn yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 03 con chung là cháu Vũ D, sinh ngày 20/3/2000, Vũ T, sinh ngày 25/3/2002 và Vũ P, sinh ngày 18/02/2006. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vũ P, sinh ngày 18/02/2006 và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Vũ D và Vũ T đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Vũ T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 1998. Hôn nhân giữa ông và bà D hoàn toàn tự nguyện. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông và bà D là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hôn nhân đã không còn hạnh phúc tuy nhiên bà D làm đơn ly hôn ông D không đồng ý vì ông D muốn bà D phải trả nợ hết cho Ngân hàng mang sổ đỏ về giao cho ông D thì ông D mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà D có 03 con chung là cháu Vũ D, sinh ngày 20/3/2000, Vũ T, sinh ngày 25/3/2002 và Vũ P, sinh ngày 18/02/2006. Cháu P có nguyện vọng sống cùng với ai thì đề nghị Tòa án giao cho người đó nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với các cháu Vũ D, Vũ T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ thường trú tại: Tổ 17, ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phạm D, bị đơn ông Vũ T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm D và bị đơn ông Vũ T trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà Phạm D với bị đơn ông Vũ T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bà D trình bày ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu ông T thường xuyên chửi bới bà D và các con. Hiện tại, bà D xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn Vũ T thừa nhận giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, tuy nhiên ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Về con chung, đối với con chung Vũ P có nguyện vọng sống cùng với ai đề nghị Tòa án giao cho người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với các cháu Vũ D và Vũ T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên phát sinh mâu thuẫn không còn tình cảm với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Vũ D, sinh ngày 20/3/2000, Vũ T, sinh ngày 25/3/2002 và Vũ P, sinh ngày 18/02/2006. Xét thấy, tại Bản tự khai của của cháu Phú, nguyện vọng của cháu Phú muốn được sống cùng với bà Phạm D. Do đó, việc giao cháu P cho bà Phạm D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với các cháu Vũ Duy Duẩn, sinh ngày 20/3/2000,

Vũ T, sinh ngày 25/3/2002 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà D và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà D và ông T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm D về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Vũ T.

- Về hôn nhân: Bà Phạm D được ly hôn với ông Vũ T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/11/1998 cho bà Phạm D và ông Vũ T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là Vũ P, sinh ngày 18/02/2006 cho bà Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với các cháu Vũ D, sinh ngày 20/3/2000, Vũ T, sinh ngày 25/3/2002 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Vũ T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản ông T thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D và ông T tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà D và ông T không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001234 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hoa